

khi nối từ *a* sang *n*, cần để khoảng cách vừa phải (không xa quá hoặc gần quá), nhớ đặt dấu phụ trên *a* để viết đúng chữ *trăng*.

- Yêu cầu HS viết chữ *trăng* vào bảng con (1 hoặc 2 lần). GV nhận xét, uốn sửa (về nét chữ, độ cao, dấu phụ, khoảng cách giữa *a – n*,...).

2. 3. Hướng dẫn viết chữ **riêng** (cỡ vừa)

- GV chỉ vào chữ *riêng* ở bảng phụ (hoặc bảng lớp) để hướng dẫn : Đặt bút trên dòng kẻ thứ nhất, viết chữ *r* ; từ điểm kết thúc của con chữ *r*, viết liền nét sang vẫn *iêng*, đặt dấu huyền trên *ê*.
- GV viết mẫu trên bảng phụ (hoặc bảng lớp) chữ *riêng*, kết hợp lưu ý HS : khi nối từ *e* sang *n*, cần để khoảng cách vừa phải, chữ cái *g* viết đủ 5 li, nhớ đặt dấu phụ ở các con chữ *i*, *ê* và dấu huyền (bên phải dấu mũ) để viết đúng chữ *riêng*.
- Yêu cầu HS viết chữ *riêng* vào bảng con (1 hoặc 2 lần). GV nhận xét, uốn sửa (về nét chữ, độ cao, dấu phụ, dấu thanh, khoảng cách giữa *e – n*,...).

HS nghỉ giữa tiết học.

3. Hướng dẫn HS viết trong vở Tập viết

- HS đọc lại nội dung bài Tập viết tuần 12 trong vở *Tập viết 1*.
- GV nhắc HS lưu ý : viết đúng độ cao của từng con chữ, nối nét hoặc để khoảng cách hợp lí (giữa các con chữ trong chữ ghi tiếng, giữa các chữ ghi tiếng trong từ), ghi đủ dấu phụ, dấu thanh cho đúng chữ ghi tiếng.
- GV hướng dẫn cách trình bày : mỗi dòng viết 1 từ theo mẫu, bắt đầu ở giữa dòng kẻ (từ ô thứ 8), các chữ đầu của mỗi từ cần thẳng theo chiều dọc trang vở ; nhắc HS ngồi viết đúng tư thế, biết để vở, xê dịch vở khi viết,...
- HS viết theo từng dòng trong vở *Tập viết 1* (GV có thể yêu cầu HS viết 3 dòng đầu rồi dừng lại để nhận xét, nhắc nhở chung – HS có thời gian nghỉ tay, sau đó viết tiếp 3 dòng còn lại).

4. Chấm, chữa bài

GV chấm 5 bài, sau đó nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm (lưu ý nhắc nhở HS sửa các lỗi đã mắc).

5. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét chung về tiết học, khen ngợi những HS viết đẹp.

- Dẫn HS viết đúng và đủ các từ trong bài (nếu trên lớp chưa viết xong), luyện viết thêm ở bảng con để rèn chữ đẹp.

II – DẠY HỌC TẬP VIẾT LỚP 2

1. Quy trình dạy học

Các hoạt động dạy học trong tiết Tập viết lớp 2 được tổ chức theo quy trình cơ bản sau :

(A) Kiểm tra bài cũ

GV yêu cầu HS :

- Viết lại (trên bảng lớp, bảng con) chữ cái viết hoa mới học.
- Nhắc lại cụm từ đã viết ứng dụng và viết lại (trên bảng lớp, bảng con) chữ ứng dụng có chữ cái viết hoa.

Sau mỗi lần viết, GV nhận xét, củng cố kiến thức – kĩ năng đã dạy ở bài cũ. (Nếu thu bài tập viết của HS về chấm thêm, GV cần kết hợp nhận xét, biểu dương sau khi kiểm tra bài cũ.)

(B) Dạy bài mới

1. Giới thiệu bài

GV nêu mục đích, yêu cầu của tiết học và ghi tên bài lên bảng lớp.

2. Hướng dẫn viết chữ cái hoa

2. 1. Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét chữ cái viết hoa

- GV hướng dẫn HS nhận xét về cấu tạo nét của chữ.
- GV hướng dẫn HS nhận xét về cách viết chữ (quy trình viết chữ).
- GV viết mẫu chữ cái hoa lên bảng, kết hợp nhắc lại một số điểm cần lưu ý về cách viết.

2. 2. Hướng dẫn HS viết trên bảng con

HS tập viết 2 – 3 lượt ; GV nhận xét, uốn nắn và có thể nhắc lại quy trình viết để HS viết đúng.

Lưu ý : Nếu dạy chữ cái hoa thứ hai có nhiều điểm giống chữ cái hoa thứ nhất thì có thể hướng dẫn nhanh gọn hơn (dựa vào so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa hai chữ cái hoa).

3. Hướng dẫn viết ứng dụng

3.1. Giới thiệu cụm từ viết ứng dụng

- HS đọc cụm từ viết ứng dụng trong SGK.
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của cụm từ ứng dụng.

3.2. Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét

- GV yêu cầu HS quan sát mẫu chữ viết ứng dụng trên bảng, nhận xét về những điểm cần lưu ý khi viết. VD : Độ cao các chữ cái, quy trình viết liền mạch – nối chữ, khoảng cách giữa các chữ, cách đặt dấu thanh,...
- GV viết mẫu chữ ghi tiếng đầu trong cụm từ ứng dụng (có chữ cái viết hoa), lưu ý HS nối nét hoặc để khoảng cách hợp lí giữa chữ cái viết hoa và chữ cái viết thường trong chữ ghi tiếng.

3.3. Hướng dẫn HS viết chữ ứng dụng trên bảng

HS tập viết chữ ứng dụng (có chữ cái viết hoa) trên bảng lớp, bảng con 2 – 3 lượt ; GV nhận xét, uốn nắn và có thể nhắc lại quy trình viết để HS viết đúng (không yêu cầu HS phải nói lại).

Lưu ý : Nếu trong cụm từ ứng dụng có chữ viết thường cần lưu ý về nối nét, GV có thể gợi ý trên bảng và cho HS luyện tập thêm để viết đẹp cả cụm từ ứng dụng.

4. Hướng dẫn HS viết vào vở Tập viết

- GV nêu nội dung và yêu cầu viết trong vở (số chữ, số dòng tập viết) ; có thể chia làm 3 chặng viết để nhận xét, uốn nắn kịp thời sau mỗi chặng :
 - + Viết chữ cái hoa cỡ vừa, cỡ nhỏ.
 - + Viết chữ ứng dụng (có chữ cái hoa).
 - + Viết cụm từ ứng dụng.
- HS luyện viết theo yêu cầu trên ; GV theo dõi, giúp đỡ các em yếu kém viết đúng quy trình, hình dạng và nội dung (kết hợp nhắc nhở về tư thế ngồi viết, cách để vở, cầm bút...).

5. Chấm, chữa bài

GV chấm khoảng 5 – 7 bài, sau đó nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm.

6. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét chung về tiết học, khen ngợi những HS viết đẹp.

- Dẫn HS luyện viết thêm trong vở *Tập viết 2* (khuyến khích HS tập viết nghiêng theo phần tự chọn để rèn chữ đẹp).

Thực hiện quy trình nói trên, GV cần đặc biệt lưu ý hai hoạt động dạy học có tính chất định hình biểu tượng về chữ viết, đó là : *Hướng dẫn viết chữ cái hoa* và *Hướng dẫn viết ứng dụng*. Ở hai hoạt động này, GV cần áp dụng các biện pháp trực quan và luyện tập để HS chủ động tiếp nhận kiến thức (tự quan sát, nhận xét, ghi nhớ), chăm chỉ, tự giác luyện tập và rút kinh nghiệm về kĩ thuật viết chữ . Cụ thể :

- Khi hướng dẫn HS viết chữ cái hoa, GV không nên giảng giải, thuyết trình đơn điệu mà cần gợi ý HS quan sát chữ mẫu (trực quan) trên bảng hoặc trong SGK để nhận biết, so sánh. VD : *Tên gọi chữ cái viết hoa này là gì ? Chữ cái hoa... được viết bởi mấy nét ? Phần nét nào giống với nét ở chữ cái hoa đã học, phần nào khác ? Muốn viết đúng, viết đẹp, cần đặc biệt chú ý ở nét nào ?...* (Có thể cho HS nhìn chữ mẫu trên bảng, viết bằng ngón tay vào khoảng không trước mặt để ghi nhớ hình dạng chữ và quy trình viết). Việc viết mẫu của GV trên lớp có tác dụng trực quan rất cụ thể và sinh động, giúp HS hình dung rõ quy trình để làm theo cho đúng. Do vậy, GV cần viết chậm, kết hợp hướng dẫn về kĩ thuật viết chữ. Sau đó cho HS thực hành luyện viết nhiều lần trên bảng lớp, bảng con để rút kinh nghiệm và tự điều chỉnh.
- Khi hướng dẫn viết ứng dụng, GV nên gợi ý để HS tự nêu cách hiểu (giải nghĩa) cụm từ ứng dụng trước khi chốt lại ý đúng ; hướng dẫn HS quan sát chữ mẫu để nhận xét về cách viết, ghi nhớ những điểm cần thiết. Nếu có những trường hợp nối chữ khó, GV cũng cần gợi ý để HS chủ động tìm ra cách viết hợp lí, hình thành kĩ năng viết chữ liền mạch (bảo đảm yêu cầu viết chính tả theo tốc độ quy định).

2. Bài soạn minh họa

TUẦN 3



Chữ hoa : 

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Rèn kĩ năng viết đúng chữ hoa *B* theo cỡ vừa và cỡ nhỏ.
- Tập viết ứng dụng câu *Bạn bè sum họp* theo cỡ nhỏ, chữ viết đúng mẫu, đều nét và nối chữ đúng quy định.

II – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa : *B* (sử dụng TBDH : *Bộ chữ dạy Tập viết*)
- Chữ mẫu câu ứng dụng theo cỡ nhỏ : *Bạn* (dòng 1), *Bạn bè sum họp* (dòng 2) – (viết trên bảng lớp; bảng phụ hoặc giấy khổ to).
- *Vở Tập viết 2, tập một.*

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

(A) Kiểm tra bài cũ

GV yêu cầu HS :


- Viết lại (trên bảng lớp, bảng con) 2 chữ hoa đã học ở bài trước (Tuần 2) : *Ă, Â*.
- Nhắc lại câu ứng dụng đã tập viết ở bài trước (*Ăn chậm nhai kỹ*) ; sau đó cho HS viết lại (trên bảng lớp, bảng con) chữ *Ăn* (hoặc *Ăn chậm*).

Sau mỗi lần viết, GV nhận xét, củng cố kiến thức, kĩ năng viết chữ đã học ở bài trước. (Nếu thu bài tập viết của HS về chấm thêm, GV cần kết hợp nhận xét, biểu dương sau khi kiểm tra bài cũ.)

(B) Dạy bài mới

1. Giới thiệu bài

- GV nêu yêu cầu của tiết học : Hôm nay, các em sẽ tập viết chữ hoa *B* (*bê*) theo cỡ vừa và nhỏ ; luyện viết câu ứng dụng về chủ điểm đang học : *Bạn bè sum họp*.

- GV ghi tên bài lên bảng lớp : **Chữ hoa** : 

(Hoặc giới thiệu bài theo cách sau : Yêu cầu HS đọc nội dung bài trong SGK *Tiếng Việt 2, tập một*, tr. 27 ; sau đó GV nêu rõ mục đích, yêu cầu của tiết học và ghi bảng tên bài.)

2. Hướng dẫn viết chữ hoa

2. 1. Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét chữ B

- GV giới thiệu khung chữ và đặt câu hỏi hướng dẫn HS nhận xét về cấu tạo của chữ mẫu (viết trên bảng, trên bìa chữ mẫu hoặc trong SGK). VD :
 - + *Chữ B hoa cỡ vừa cao mấy li ? (5 li – 6 đường kẻ ngang)*
 - + *Trên chữ B hoa này có ghi số nét và thứ tự các nét. Em hãy quan sát và cho biết : Chữ B hoa gồm mấy nét ? (Chữ B hoa gồm 2 nét.)*

- + GV miêu tả các nét : Nét 1 gần giống nét móc ngược trái nhưng phía trên hơi lượn sang bên phải, đầu móc cong vào phía trong ; nét 2 là kết hợp của 2 nét cơ bản : cong trên và cong phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.
- GV (dùng que chỉ hoặc thước nhỏ) chỉ dẫn cách viết trên bìa chữ mẫu.
VD :
- + *Nét 1* : Đặt bút trên đường kẻ 6, hơi lượn bút sang trái viết nét móc ngược (đầu móc cong vào phía trong) ; dừng bút trên đường kẻ 2.
- + *Nét 2* : Từ điểm dừng của nét 1, lia bút lên đường kẻ 5 (bên trái nét móc) viết tiếp nét cong trên và cong phải liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ gần giữa thân chữ (dưới đường kẻ 4) ; dừng bút ở khoảng giữa đường kẻ 2 và đường kẻ 3. *Chú ý* : Nét cong cần lượn đều và cân đối, nửa cong dưới vòng sang bên phải rộng hơn nửa cong trên.
- GV viết mẫu chữ *B* hoa cỡ vừa (5 dòng kẻ li) trên bảng lớp ; kết hợp nhắc lại vắn tắt về cách viết. VD : Đặt bút trên đường kẻ 6, viết nét móc ngược ; sau đó, lia bút lên đường kẻ 5 viết tiếp nét cong trên và cong phải liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.

2. 2. Hướng dẫn HS viết trên bảng con

HS tập viết chữ *B* hoa 2 – 3 lượt (không xoá bảng). Sau mỗi lượt, GV nhận xét, uốn nắn và khen ngợi những HS viết đúng hình dạng chữ mẫu.

Chú ý : Ở những lần tập viết ban đầu, HS thường lúng túng trong việc điều khiển nét bút. GV cần giúp các em ghi nhớ biểu tượng về chữ hoa, viết đúng hình dạng chữ mẫu (không sai quy trình và biến dạng nét chữ) để dần tiến tới viết đẹp.

3. Hướng dẫn viết câu ứng dụng

3. 1. Giới thiệu câu ứng dụng

Cho 1 – 2 HS đọc cụm từ ứng dụng sẽ viết, giảng nghĩa (hoặc gợi ý HS trao đổi cách hiểu về cụm từ ứng dụng, sau đó GV chốt lại). VD : Em hiểu thế nào là *Bạn bè sum họp* ? (Bạn bè ở khắp nơi trở về quê quần họp mặt đông vui.)

3. 2. Hướng dẫn HS quan sát, nhận xét cách viết câu ứng dụng (cỡ nhỏ)

- GV chỉ vào dòng chữ mẫu trên bảng, gợi ý HS nhận biết độ cao của các chữ cái, cách đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ cái trong một tiếng, khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng. VD :

- + Các chữ **B** (bê hoa) và **b** (bê thường), **h** (hát) cao mấy li ? (2 li rưỡi)
- + Chữ **p** (pê) viết mấy li ? (2 li)
- + Chữ cái nào viết cao hơn 1 li một chút ? (**s**)
- + Những chữ còn lại (**a, n, e, u, ì, o**) cao mấy li ? (1 li)
- + Cách đặt dấu thanh ở các chữ thế nào ? (Dấu nặng đặt dưới chữ **a** trong chữ **Bạn** và chữ **o** trong chữ **hợp**, dấu huyền đặt trên chữ **e** trong chữ **bè**)...
- GV viết mẫu chữ **Bạn** trên dòng kẻ (tiếp theo chữ mẫu trên bảng), kết hợp nhắc HS lưu ý : Từ chữ cái **B** viết sang **a** (trong chữ **Bạn**) cần để khoảng cách không quá gần hoặc quá xa ; từ **a** viết liền nét sang **n**, đặt dấu nặng dưới **a**.

3. 3. Hướng dẫn HS viết chữ **Bạn** vào bảng con

- HS viết chữ **Bạn** vào bảng con 1 – 2 lượt (không xoá bảng) ; sau mỗi lượt, GV nhận xét, uốn nắn thêm về cách viết.
- Có thể cho HS luyện tập thêm về kĩ năng nối nét (VD : Nối **b** với **e** trong chữ **bè**, nối **h** với **o** trong chữ **hợp**).

4. Hướng dẫn HS viết vào vở Tập viết

- GV nêu yêu cầu viết :
 - + 1 dòng chữ **B** cỡ vừa (cao 5 li), 1 dòng chữ **B** cỡ nhỏ (cao 2 li rưỡi).
 - + 1 dòng chữ **Bạn** cỡ vừa, 1 dòng chữ **Bạn** cỡ nhỏ.
 - + 2 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ : **Bạn bè sum hợp**.
 (HS khá, giỏi viết thêm 1 dòng chữ **B** cỡ nhỏ, 1 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ.)
- GV theo dõi, giúp đỡ HS yếu, kém.

5. Chấm, chữa bài

GV chấm 5 – 7 bài, sau đó nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm (lưu ý cách viết chữ hoa **B** đúng mẫu, viết ứng dụng đúng và đều nét).

6. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét chung về tiết học, khen ngợi những HS viết đẹp.
- Dặn HS luyện viết thêm trong vở **Tập viết 2** (khuyến khích HS tập viết nghiêm theo phần tự chọn để rèn chữ đẹp).

III – DẠY HỌC TẬP VIẾT LỚP 3

1. Quy trình dạy học

Các hoạt động dạy học trong tiết Tập viết lớp 3 được tổ chức theo quy trình cơ bản sau :

(A) Kiểm tra bài cũ

GV yêu cầu HS :

- Viết lại (trên bảng lớp, bảng con) chữ viết hoa và tên riêng mới học.
- Nhắc lại câu ứng dụng mới học ; sau đó có thể cho HS viết lại (trên bảng lớp, bảng con) 1 – 2 chữ có chữ cái viết hoa (hoặc có trường hợp nổi nét khó) trong câu ứng dụng.

Sau mỗi lần viết, GV nhận xét, củng cố kiến thức, kĩ năng viết chữ đã học ở bài trước. (Nếu thu bài tập viết của HS về chấm thêm, GV cần kết hợp nhận xét, biểu dương sau khi kiểm tra bài cũ.)

(B) Dạy bài mới

1. Giới thiệu bài

GV nêu mục đích, yêu cầu của tiết học và ghi tên bài lên bảng lớp ; hoặc cho HS đọc nội dung bài trong SGK, sau đó GV nêu rõ thêm về mục đích, yêu cầu của tiết học và ghi bảng tên bài.

2. Hướng dẫn HS viết trên bảng con

2.1. Luyện viết chữ hoa

- Củng cố cách viết chữ hoa nêu ở tên bài (HS quan sát chữ hoa, GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết – HS tập viết trên bảng – GV nhận xét, uốn nắn).
- Kết hợp củng cố thêm 1 – 2 chữ hoa xuất hiện trong tên riêng và câu ứng dụng (GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết – HS tập viết trên bảng – GV nhận xét, uốn nắn).

2.2. Luyện viết từ ứng dụng (tên riêng)

- HS đọc tên riêng (trong SGK) ; GV giới thiệu (hoặc gợi ý HS nhận biết) về tên riêng.
- GV hướng dẫn cách viết tên riêng (chú ý để khoảng cách hoặc nối chữ

viết hoa với chữ viết thường, nối nét các chữ cái) ; viết mẫu (kết hợp nhắc lại cách viết) ; cho HS tập viết trên bảng ; nhận xét, uốn nắn về cách viết.

2. 3. Luyện viết câu ứng dụng (chữ viết hoa, tên riêng trong câu ứng dụng)

- HS đọc câu ứng dụng (trong SGK) ; GV giúp HS hiểu nội dung câu ứng dụng.
- HS nêu các chữ viết hoa, tên riêng có trong câu ứng dụng ; GV hướng dẫn HS luyện viết trên bảng 2 – 3 chữ viết hoa hoặc tên riêng đã nêu (kết hợp củng cố thêm về cách viết chữ cái viết hoa hoặc lưu ý về chữ viết có trường hợp nối nét khó, nếu thấy cần thiết) ; nhận xét, uốn nắn.

3. Hướng dẫn HS viết vào vở Tập viết

- GV nêu nội dung và yêu cầu viết trong vở (số chữ, số dòng tập viết theo *cỡ nhỏ*) ; có thể chia làm 3 chặng viết để nhận xét, uốn nắn kịp thời sau mỗi chặng :
 - + Viết các chữ hoa (chữ cái viết hoa, tổ hợp chữ ghi âm có chữ cái viết hoa).
 - + Viết tên riêng (từ ứng dụng).
 - + Viết câu ứng dụng.
- HS tập viết theo yêu cầu trên ; GV theo dõi, giúp đỡ các em yếu kém viết đúng quy trình, liền mạch... ; kết hợp nhắc nhở về tư thế ngồi viết, cách để vở, cầm bút, trình bày bài sạch đẹp.

4. Chấm, chữa bài

GV chấm 5 - 7 bài, sau đó nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm.

5. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét chung về tiết học, khen ngợi những HS viết đẹp.
- Dặn HS luyện viết thêm trong vở *Tập viết 3* (khuyến khích HS tập viết nghiêng theo phần tự chọn để rèn chữ đẹp).

2. Bài soạn minh họa

TUẦN 10



Ôn chữ hoa : *G* (tiếp theo)

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Luyện viết đúng và nhanh chữ hoa *G (Gi)* theo cỡ nhỏ ; ôn cách viết các chữ hoa *Ô, T* có trong tên riêng và câu ca dao.
- Tập viết ứng dụng tên riêng : *Ông Gióng*
- Biết viết và trình bày đúng câu thơ lục bát có chữ viết hoa :

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.*

II – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa : *G, Ô, T* (sử dụng TBDH : *Bộ chữ dạy Tập viết*)
- Chữ mẫu tên riêng theo cỡ nhỏ (sử dụng TBDH : *Bộ chữ viết mẫu tên riêng*) : *Ông Gióng* ; câu ca dao trong bài (viết trên bảng lớp, hoặc cho HS quan sát trong vở Tập viết).
- *Vở Tập viết 3, tập một.*

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

(A) Kiểm tra bài cũ

GV yêu cầu HS :

- Viết lại (trên bảng lớp, bảng con) chữ viết hoa và tên riêng đã học ở bài trước (Tuần 8) : *G, Gò Công.*
- Nhắc lại câu ứng dụng đã tập viết ở bài trước (*Khôn ngoan đối đáp người ngoài / Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*) ; sau đó có thể cho HS viết lại (trên bảng lớp, bảng con) 2 chữ có trường hợp nối nét khó : *ngoan, ngoài.*

Sau mỗi lần viết, GV nhận xét, củng cố kiến thức, kĩ năng viết chữ đã học ở bài trước. (Nếu thu bài tập viết của HS về chấm thêm, GV cần kết hợp nhận xét, biểu dương sau khi kiểm tra bài cũ.)

(B) Dạy bài mới

1. Giới thiệu bài

- GV nêu yêu cầu của tiết học : Hôm nay, các em sẽ tiếp tục luyện viết chữ hoa *G* (giê) trong chữ *Gi* (giê i), ôn lại cách viết các chữ hoa *Ô* (ô), *T* (tê) ; tập viết ứng dụng tên riêng (*Ông Gióng*) và câu ca dao nói về cảnh đẹp đất nước :

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.*

- GV ghi tên bài lên bảng lớp : **Ôn chữ hoa** : *G* (tiếp theo)

(Hoặc giới thiệu bài theo cách sau : Yêu cầu HS đọc nội dung bài trong SGK *Tiếng Việt 3, tập một*, tr. 80 ; sau đó GV nêu rõ mục đích, yêu cầu của tiết học và ghi bảng tên bài.)

2. Hướng dẫn HS viết trên bảng con

2.1. Luyện viết chữ hoa

- Yêu cầu HS đọc SGK (*Tên riêng, Câu*), tìm và nêu các chữ hoa có trong bài : *G* (giê, hoặc HS có thể nêu *Gi* / giê i), *Ô* (ô), *T* (tê, hoặc HS có thể nêu *Th* / tê hát, *Tr* / tê e-rờ), *V* (vê), *X* (ích-xì).
- GV nói : Tiết học hôm nay tiếp tục củng cố cách viết chữ hoa *G* (giê) trong chữ *Gi* (giê i).
- GV treo bìa chữ *G* trên bảng cho HS quan sát và nhận xét sơ bộ (nhớ lại cách viết chữ hoa đã học ở lớp 2) :
 - + Chữ *G* được viết mấy nét ? (2 nét)
 - + Nét 1 viết giống chữ hoa gì ? (*C*)
 - + Nét 2 là nét gì ? (Nét khuyết)
- GV (nói và viết mẫu) : Chữ hoa *G* (giê) được viết liền với *i* thành chữ *Gi* (giê i) như sau... (GV viết chữ *Gi* cỡ nhỏ trên dòng kẻ li ở bảng lớp cho HS quan sát, vừa viết vừa nhắc HS lưu ý : độ cao chữ *G* là 4 li, phần trên được viết gần giống chữ hoa *C*, cao 2 li rưỡi, phần nét khuyết cần viết thẳng và cân đối, kéo xuống 1 li rưỡi ; từ *G* nối sang *i* tạo thành chữ *Gi*).
- GV (nói và viết mẫu) : Trong bài tập viết hôm nay, các em sẽ luyện viết củng cố thêm chữ hoa *Ô* và chữ hoa *T* (đưa bìa chữ hoa *Ô*, *T* cho HS quan sát lại). Hãy theo dõi cô (thầy) viết trên bảng và nhớ lại cách viết...

(GV lần lượt viết từng chữ hoa cỡ nhỏ trên dòng kẻ li ở bảng lớp, kết hợp lưu ý về cách viết. VD : Chữ hoa *Ô* cỡ nhỏ cao 2 li rưỡi, được viết 3 nét, phần cuối nét 1 lượn cong vào bụng chữ, không to quá hoặc nhỏ quá. Chữ hoa *T* cao bằng chữ hoa *Ô*, được viết liền 1 nét, phần đầu nét chú ý viết phối hợp 2 nét cơ bản *cong trái* nhỏ và *lượn ngang*, sau đó lượn đầu bút trở lại tạo vòng xoắn ở đầu chữ rồi viết tiếp nét cơ bản *cong trái* to, phần cuối nét lượn cong vào trong...).

- GV yêu cầu HS tập viết vào bảng con từng chữ hoa : *Gi* (2 lần), *Ô* (1 hoặc 2 lần), *T* (1 hoặc 2 lần). Sau mỗi lần viết, GV nhận xét để HS rút kinh nghiệm.

2. 2. Luyện viết từ ứng dụng (tên riêng)

- HS đọc tên riêng (trong SGK) : *Ông Gióng*
- GV giới thiệu (hoặc gợi ý HS nêu hiểu biết về *Ông Gióng*, nếu có điều kiện) : Theo một câu chuyện cổ, Ông Gióng (còn gọi là Thánh Gióng hoặc Phù Đổng Thiên Vương) quê ở làng Gióng (nay thuộc xã Phù Đổng, ngoại thành Hà Nội), là người sống vào thời vua Hùng, đã có công đánh đuổi giặc ngoại xâm.
- GV gắn bìa chữ tên riêng (cỡ nhỏ) lên bảng lớp cho HS quan sát và nhận xét các chữ cái cần lưu ý khi viết :

+ Những chữ nào viết 2 li rưỡi ? (*Ô, g*)

+ Chữ hoa nào viết 4 li ? (*G*)

Sau đó, GV viết mẫu tên riêng theo cỡ nhỏ trên dòng kẻ li ở bảng lớp (lưu ý về cách viết liền mạch ở chữ *Gióng*).

- GV yêu cầu HS tập viết tên riêng (*Ông Gióng*) trên bảng con 1 – 2 lần ; nhận xét, uốn nắn về cách viết.

2. 3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng (trong SGK hoặc trên bảng lớp) :

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.*

- GV nói : Câu ca dao tả cảnh đẹp và cuộc sống thanh bình trên đất nước ta (Trấn Vũ, Thọ Xương là những địa điểm thuộc Hà Nội trước đây ; tiếng chuông ở chùa Trấn Vũ và tiếng gà gáy sáng gọi cho ta nghĩ đến một khung cảnh thật êm ả).
- GV hỏi : Câu ca dao có những chữ nào được viết hoa ? (*Gió, Tiếng* – đầu dòng thơ) ; *Trấn Vũ, Thọ Xương* – tên riêng).

- GV yêu cầu HS luyện viết trên bảng con từng tên riêng đã nêu : *Trần Vũ, Thọ Xương* (có thể đưa bìa chữ mẫu đã chuẩn bị trước, hoặc viết ở góc phải của bảng lớp, viết ở bảng phụ để chỉ dẫn thêm về cách viết các chữ hoa V, X). Sau mỗi lần viết, GV nhận xét, uốn nắn để HS rút kinh nghiệm.

3. Hướng dẫn viết vào vở Tập viết

- GV nêu yêu cầu viết chữ theo cỡ nhỏ trong vở *Tập viết 3, tập một* :
 - + 1 dòng chữ *Gi*, 1 dòng có 2 chữ *Ô, T*.
 - + 2 dòng tên riêng : *Ông Gióng*.
 - + 2 lần (4 dòng) câu ca dao : *Gió đưa cành trúc... canh gà Thọ Xương*.
- HS tập viết vào vở (GV có thể cho viết theo từng chặng và nhận xét, uốn nắn kịp thời để HS rút kinh nghiệm). GV nhắc nhở HS ngồi viết đúng tư thế, lưu ý về độ cao và khoảng cách giữa các chữ ; trình bày câu ca dao theo đúng mẫu.

4. Chấm, chữa bài

GV chấm nhanh khoảng 5 – 7 bài ; nêu nhận xét về các bài đã chấm để rút kinh nghiệm chung (lưu ý các chữ hoa và kĩ thuật viết liền mạch).

5. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét về tiết học ; khuyến khích HS học thuộc lòng câu ca dao, luyện viết thêm trong vở Tập viết để rèn chữ đẹp.

E – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý TRONG DẠY HỌC TẬP VIẾT

I – TRÌNH BÀY BẢNG LỚP

1. Yêu cầu chung

Bảng lớp vừa là công cụ vừa là phương tiện trực quan đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy học phân môn Tập viết ở Tiểu học. Để việc trình bày và sử dụng bảng lớp trong giờ dạy Tập viết đạt hiệu quả, GV cần lưu ý một số yêu cầu cơ bản sau :

- Dùng bảng lớp treo bìa chữ (hoặc viết sẵn chữ mẫu) để gợi ý, hướng dẫn HS cả lớp quan sát, củng cố lại biểu tượng về mẫu chữ viết thường – viết hoa, nắm vững hình dạng, cấu tạo và quy trình viết chữ ; có thể gắn tranh ảnh minh họa nội dung câu ứng dụng (nếu có).

- Dùng bảng lớp để viết minh họa các chữ cái, chữ ghi vần, chữ ghi tiếng – từ ứng dụng, giúp HS theo dõi cụ thể về cách viết, ghi nhớ kĩ thuật viết chữ do GV làm mẫu (không thể thay thế bằng cách chỉ dẫn, giảng giải "lí thuyết suông").
 - Dùng bảng lớp cho HS tham gia vào hoạt động học tập trên lớp. VD : Nhận diện cấu tạo, quy trình viết qua mẫu chữ trên bảng (có thể dùng que chỉ) ; kiểm tra bài cũ hoặc thực hành tập viết theo yêu cầu của GV trong tiết học (có thể 2 – 3 em cùng viết ở phần bảng phía dưới, ngang tầm mắt HS) ; thi viết nhanh, viết đẹp trên bảng lớp...
 - Trình bày bảng lớp trong giờ Tập viết cũng cần đảm bảo các nguyên tắc : nội dung chính xác (tính khoa học), có tác dụng giảng dạy và giáo dục (tính sư phạm), viết chữ và trình bày đẹp (tính thẩm mỹ).
- Việc trình bày và sử dụng bảng luôn gắn với nội dung và quy trình dạy học tập viết ở từng lớp.

2. Trình bày bảng khi dạy Tập viết ở lớp 1

a) Dạy Tập viết trong bài Học vần

Trong các bài dạy phần Học vần, sau khi học đọc chữ ghi âm (vần), đọc tiếng – từ mới, HS được hướng dẫn tập viết trên bảng con (tiết 1) và trong vở Tập viết (tiết 2) các chữ ghi âm (vần) và tiếng mang âm, vần mới học. Như vậy, việc dạy kĩ năng viết chữ cho HS được kết hợp chặt chẽ với kĩ năng đọc, tạo mối quan hệ hỗ trợ và củng cố lẫn nhau. Song, do nội dung dạy đọc trong bài Học vần chiếm tỉ lệ nhiều hơn nên bảng lớp được dành phần lớn để trình bày ngữ liệu đọc. Để giảm bớt thời gian viết mẫu của GV trên bảng lớp, yêu cầu trình bày bảng khi hướng dẫn HS tập viết trong bài Học vần chỉ cần gọn nhẹ như sau :

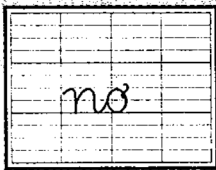
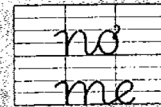
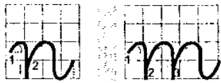
- Dành vị trí bên trái bảng để gắn bìa mẫu chữ cái viết thường trong khung chữ (sử dụng *Bộ chữ dạy Tập viết* được Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp) ; bảng phụ (hoặc bìa giấy) viết mẫu tổ hợp chữ cái ghi *âm* (nếu có), mẫu chữ ghi *vần*, ghi *tiếng mới* cần hướng dẫn HS tập viết (GV có thể chuẩn bị trước các bảng phụ có chữ viết mẫu để gắn lên bảng lớp).
- Dành phần bảng bên phải (có dòng kẻ li tương tự vở *Tập viết 1*) để viết chữ mẫu (chữ ghi âm, vần, tiếng – từ) khi hướng dẫn HS viết trên lớp.
- Phần bảng dưới cùng (vừa tầm viết của HS), GV để dòng kẻ (8 li) cho HS tham gia viết bảng theo yêu cầu của GV (kiểm tra bài cũ, viết chữ cái thường, viết chữ ghi tiếng – từ mới, thi viết bảng,...).

VD minh họa (ghi bảng lớp dạy Tập viết trong bài Học vần cụ thể) :

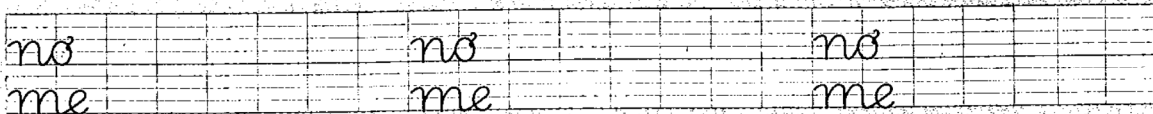
Thứ ... , ngày ... tháng ... năm ...

HỌC VẦN

Bài 13 : n m



n m
nơ me bò bê có cỏ,
nơ me bò bê no nê
no nô nơ bố mẹ ba má
mo mô mơ
ca nô bó mạ



b) *Day tiết Tập viết 1*

Yêu cầu cơ bản của tiết Tập viết lớp 1 là luyện tập về kĩ năng viết chữ nhằm củng cố cách viết các chữ cái đã học, luyện viết ứng dụng các chữ ghi vần, từ ngữ có vần đã học, tập tô chữ viết hoa và tập viết chữ số ở phần Luyện tập tổng hợp. Do đó, việc trình bày bảng lớp cần gắn với nội dung dạy học và góp phần tác động bằng trực quan tới tất cả HS trong lớp. Ở các tiết dạy Tập viết, để hướng dẫn cụ thể hoặc lưu ý HS về cách viết, GV thường trình bày sẵn ở bảng lớp toàn bộ nội dung bài (trên dòng kẻ li) giống như trong vở *Tập viết 1*. Việc làm này đòi hỏi nhiều thời gian và sự chuẩn bị công phu, vì vậy không thể bắt buộc GV phải thực hiện ở tất cả các tiết dạy. Căn cứ vào quy trình dạy học (viết trên bảng, viết vào vở) và yêu cầu hướng dẫn HS thực hành luyện tập (viết rõ ràng, biết nối chữ, đặt dấu thanh, để khoảng cách,...), GV có thể trình bày bảng theo một trong 2 cách sau :

– *Cách 1* : Dành hầu hết bảng lớp để trình bày bài Tập viết theo nội dung quy định trong vở *Tập viết 1* (riêng bài Tập viết ở phần Luyện tập tổng hợp, GV chỉ cần gắn bìa mẫu chữ cái viết hoa phía bên trái bảng lớp và trình bày 1 dòng chữ cái viết hoa có chấm mờ để hướng dẫn HS trước khi tập tô trong vở, sau đó là các dòng chữ viết mẫu vẫn, từ ngữ). Phần bảng dưới cùng (vừa tầm viết của HS), GV để dòng kẻ (8 – 9 li) cho HS tham gia viết bảng (*cỡ vừa*) theo yêu cầu của GV (kiểm tra bài cũ, viết vẫn, viết chữ ghi tiếng – từ, thi viết bảng,...).

Khi dạy HS tập viết một số chữ ghi tiếng vào bảng con, GV chỉ vào chữ mẫu viết sẵn để hướng dẫn cách viết, sau đó viết mẫu lại trên dòng kẻ bên phải (phía trên) bảng lớp cho HS nhìn rõ và viết theo. Trước khi HS tập viết vào vở, GV có thể viết lại từng từ ngữ (kết hợp lưu ý cách viết) trên dòng kẻ li (cạnh chữ mẫu) để HS biết cách trình bày trong vở Tập viết.

VD minh họa (ghi bảng lớp theo *cách 1* trong tiết Tập viết cụ thể) :

Thứ ... , ngày ... tháng ... năm ...

TẬP VIẾT

Tô chữ hoa : **H**

ợc	ợc	ợc	ợc	ợc	ợc	ợc
ợc	ợc	ợc	ợc	ợc	ợc	ợc
êu	êu	/				
hiếu	thảo		hiếu	thảo		
êu	êu					
êu	mến		êu	mến		

thảo						
thảo						
thảo						


thảo						
thảo						
thảo						

- *Cách 2* : Chia các khu vực trình bày bảng lớp tương tự như *cách 1*, dành phần bên trái bảng (phía trên) để gắn bìa chữ mẫu (hoặc gắn tranh ảnh minh họa, nếu cần) ; phần bên phải bảng (phía trên) dùng để viết mẫu (hoặc gắn bảng phụ viết sẵn chữ mẫu) và hướng dẫn HS cách viết các chữ ghi tiếng đã lựa chọn trong bài. Phần chính giữa bảng dùng để viết mẫu một số từ ngữ cần chỉ dẫn HS trước khi viết vào vở Tập viết. Phần bảng dưới cùng được sử dụng như đã nêu ở *cách 1*.

VD minh họa (ghi bảng lớp theo *cách 2* trong tiết Tập viết cụ thể) :

Thứ ... , ngày ... tháng ... năm ...

TẬP VIẾT TUẦN 12



con ong
cây thông
vàng trắng
củ riêng

thông
trắng
riêng

thông thông thông

3. Trình bày bảng khi dạy Tập viết ở lớp 2

Theo yêu cầu của bài học Tập viết ở lớp 2, GV có thể trình bày bảng lớp như sau :

- Dành vị trí bên trái bảng để gắn bìa mẫu chữ cái viết hoa trong khung chữ (sử dụng *Bộ chữ dạy Tập viết* được Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp) ; bảng phụ (hoặc bìa giấy) ghi chữ viết cần minh họa thêm.

- Dành vị trí giữa bảng, phía trên để trình bày :
- + Dòng kẻ (8 li) để GV viết mẫu chữ cái hoa theo *cỡ vừa* (khi hướng dẫn HS viết chữ cái hoa).
- + Dòng kẻ (4 li) viết sẵn chữ ghi tiếng có chữ cái hoa (*cỡ nhỏ*) trong cụm từ ứng dụng (GV sẽ viết lại trên lớp cho HS quan sát cách viết chữ ghi tiếng ứng dụng).
- + Dòng kẻ (4 li) viết sẵn cụm từ ứng dụng (*cỡ nhỏ*) để hướng dẫn HS nhận xét trước khi viết.
- Dành góc bảng bên phải để hướng dẫn HS cách nối chữ (chọn trong cụm từ ứng dụng), nếu cần thiết.
- Phần bảng dưới cùng (vừa tầm viết của HS), GV để dòng kẻ (8 li) cho HS tham gia viết bảng (*cỡ nhỏ*) theo yêu cầu của GV (kiểm tra bài cũ, viết chữ cái hoa, viết chữ ghi tiếng ứng dụng có chữ cái hoa, thi viết bảng,...).

VD minh họa (ghi bảng lớp một bài Tập viết cụ thể) :

Thứ ... , ngày ... tháng ... năm ...

TẬP VIẾT

Chữ hoa : B

4. Trình bày bảng khi dạy Tập viết ở lớp 3

Căn cứ vào nội dung và quy trình dạy học của tiết Tập viết ở lớp 3, GV có thể trình bày bảng lớp như sau :

Thứ ... , ngày ... tháng ... năm ...

(Ghi chung cho buổi học)

TẬP VIẾT

Tên bài

Dành khoảng 1/3 bảng để treo bìa chữ dạy tập viết (bìa chữ cái, bìa chữ viết mẫu tên riêng) hoặc tranh ảnh minh họa về tên riêng, câu ứng dụng (nếu cần thiết).

– Dòng kẻ (8 li) để GV viết mẫu khi hướng dẫn HS luyện viết các chữ hoa *cỡ nhỏ* (tương tự như trong vở *Tập viết 3*).

– Dòng kẻ (4 li) để GV viết mẫu khi hướng dẫn HS luyện viết tên riêng *cỡ nhỏ* (như vở *Tập viết 3*).

– Dòng kẻ li viết sẵn câu ứng dụng *cỡ nhỏ* (hoặc bỏ trống để dán câu ứng dụng viết sẵn trên bìa giấy) – phần này *không bắt buộc phải có*, vì HS có thể quan sát trên vở *Tập viết 3* (GV viết mẫu các chữ có trường hợp nổi nét khó trong câu ứng dụng vào phần này hoặc viết ở góc phải bảng lớp rồi xoá đi).

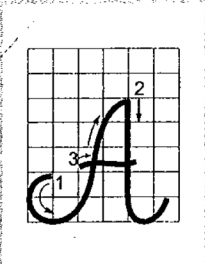
Phần bảng ngang tầm mắt HS có dòng kẻ (8 li) để các em tham gia tập viết trong tiết học (hoặc thi viết nhanh, viết đẹp,...).

VD minh họa (ghi bảng lớp một bài Tập viết cụ thể) :

Thứ ... , ngày ... tháng ... năm ...

TẬP VIẾT

Ôn chữ hoa : *A*



<i>A</i>	<i>A</i>				
<i>V</i>	<i>V</i>	<i>D</i>	<i>D</i>		
<i>Thư A Đình</i>					
<i>Anh em như thể chân tay</i>					
<i>Phách lạnh đùm bọc, dõ hay đã dăm</i>					

<i>Thư A Đình</i>					
-------------------	--	--	--	--	--

<i>Thư A Đình</i>		<i>Thư A Đình</i>		<i>Thư A Đình</i>					
-------------------	--	-------------------	--	-------------------	--	--	--	--	--

II – DÙNG TỪ, SỬ DỤNG THUẬT NGỮ

Phân môn Tập viết có những nét đặc trưng riêng. Do đó, trong hoạt động dạy học, GV thường phải dùng từ và sử dụng một số thuật ngữ để diễn đạt sao cho HS hiểu rõ và thực hiện đúng yêu cầu luyện tập. Về cơ bản, việc sử dụng thuật ngữ cần đảm bảo tính khoa học (không làm HS hiểu sai khái niệm), đồng thời phải chú ý đến tính sư phạm (GV dễ hướng dẫn, HS dễ hiểu và làm đúng). Việc dùng từ và sử dụng thuật ngữ trong giảng dạy cũng cần thống nhất theo yêu cầu chỉ đạo chuyên môn. Dưới đây là nội dung một số thuật ngữ và cách sử dụng chúng – vấn đề được đông đảo GV quan tâm trong việc dạy học Tập viết ở Tiểu học.

1. Chữ, chữ cái

Chữ dùng để ghi tiếng ; mỗi tiếng được viết thành một chữ. VD : Câu *Chữ viết cũng là một biểu hiện của nét người* gồm 10 tiếng, ghi bằng 10 chữ.

Giữa các chữ thường có khoảng cách bằng một chữ cái hoặc có gạch nối. VD : *học sinh, Ê-đê*. Các chữ cái ghép lại thành chữ để ghi tiếng phải viết (in) sát nhau với khoảng cách đều đặn, hợp lí, đảm bảo sự liên kết trong một "khối" chữ trông đẹp mắt.

Chữ cái dùng để ghi các nguyên âm và phụ âm. VD : Tiếng *học* có âm đầu là *hờ*, âm chính *o* và âm cuối *cờ* được ghi bằng 3 chữ cái *h* (hát), *o* (o), *c* (xê). Xem xét cách dùng chữ cái để ghi âm, ta thấy :

- Thường thì một chữ cái được dùng để ghi một âm (VD : *a, e, o, u, b, đ, h,...*). Nhưng nhiều khi phải ghép 2 – 3 chữ cái lại thành một kí hiệu để ghi một âm (VD : *th, kh, tr, ngh,...*). Sở dĩ phải làm như vậy là vì số âm trong tiếng Việt thì nhiều mà số chữ cái lại ít, không đủ để ghi mỗi âm bằng một chữ cái riêng.
- Thường thì một âm chỉ có một cách ghi (VD : Âm *bờ* được ghi bằng chữ cái *b*, âm *khờ* được ghi bằng nhóm chữ cái *kh*, âm *ô* được ghi bằng chữ cái *ô,...*). Nhưng do một vài nguyên nhân lịch sử, nhiều khi một âm lại được ghi bằng 2 – 3 cách khác nhau. VD : Âm *ngờ* được ghi bằng *ngh* khi nó đứng trước các nguyên âm *i, ê, e, iê* (*ngĩ, nghê, nghe, nghiêng*) và bằng *ng* khi đứng trước các nguyên âm khác.

Chữ cái có kiểu in máy (gọi tắt là *chữ in*), có kiểu viết tay (gọi tắt là *chữ viết*) ; mỗi kiểu lại có hai dạng là *chữ cái thường* và *chữ cái hoa*. Sau đây là *Bảng chữ cái* dạy cho HS lớp 2 trong SGK Tiếng Việt 2, tập một :

BẢNG CHỮ CÁI

THỨ TỰ	CHỮ CÁI				TÊN CHỮ CÁI
	In thường	In hoa	Viết thường	Viết hoa	
1	a	A	a	A	a
2	ă	Ă	ă	Ă	á
3	â	Â	â	Â	ớ
4	b	B	b	B	bê
5	c	C	c	C	xê
6	d	D	d	D	dê
7	đ	Đ	đ	Đ	đê
8	e	E	e	E	e
9	ê	Ê	ê	Ê	ê
10	g	G	g	G	giê
11	h	H	h	H	hát
12	i	I	i	I	i
13	k	K	k	K	ca

14	i	L	l	ℒ	e-lò
15	m	M	.m	ℳ	em-mò
16	n	N	n	ℒ	en-nò
17	o	O	o	ℋ	o
18	ô	Ô	ô	ℋ̂	ô
19	σ	⊙	σ	ℋ	σ
20	p	P	ρ	ℙ	pê
21	q	Q	q	ℚ	quy
22	r	R	℞	℞	e-rò
23	s	S	♯	℟	ét-si
24	t	T	t	℟	tê
25	u	U	u	℣	u
26	u	U	u	℣	u
27	v	V	v	℟	vê
28	x	X	x	℘	ích-xì
29	y	Y	y	℣	i dài

Chú ý : SGK Tiếng Việt 3, tập một vừa củng cố 29 chữ cái trong *Bảng chữ cái* đã học vừa mở rộng thêm 10 nhóm chữ cái ghi âm với cách đọc như sau : **ch** (xê hát), **gh** (giê hát), **gi** (giê i), **kh** (ca hát), **ng** (en-nờ giê / en giê), **ngh** (en-nờ giê hát / en giê hát), **nh** (en-nờ hát / en hát), **ph** (pê hát), **th** (tê hát), **tr** (tê e-rờ).

Trong trường tiểu học, khi dạy Tập viết ở các lớp 1, 2, 3, GV thường sử dụng thuật ngữ *chữ*, *chữ cái* một cách linh hoạt để hướng dẫn HS như sau :

- Ở lớp 1, HS chỉ được học tên âm để sử dụng trong quá trình học đọc (chưa học tên chữ cái trong *Bảng chữ cái tiếng Việt*). Vì vậy, khi dạy Tập viết, GV dùng tên âm để hướng dẫn HS. VD : Chữ (chữ cái) *bờ* (*b*) được viết một nét ; chữ *hờ* (*h*) được viết hai nét ; chữ *mờ* (*m*) được viết ba nét,...

Từ tuần đầu của lớp 2, HS đã được học *Bảng chữ cái tiếng Việt* (được củng cố và mở rộng ở lớp 3), GV cần sử dụng *tên chữ* để hướng dẫn trong quá trình dạy học Tập viết. VD : Học viết chữ *bê* (*b*), chữ *xê* (*c*)... ; viết chữ *A hoa* (hoặc chữ *hoa A*), chữ *hoa B* (*bê*),...

- Để việc diễn đạt được dễ dàng, đỡ khó khăn cho HS trong quá trình nhận thức, GV thường dùng thuật ngữ **chữ** (*chữ viết thường*, *viết hoa*) để gọi chung cho các trường hợp : *chữ cái* (*a / A, b / B,...*), *nhóm chữ cái dùng để ghi âm* (*ch, tr, nh, th,...*), *chữ ghi tiếng* (*bé, bánh,...*). Chỉ khi cần phân biệt trong chữ viết cụ thể, GV mới nói rõ thêm. VD : Chữ *chờ* (hoặc chữ ghi âm *chờ*) gồm 2 chữ cái (hoặc con chữ) ghép lại, chữ cái (con chữ) *cờ* đứng trước, chữ cái (con chữ) *hờ* đứng sau (*ch*) – (đối với lớp 1) ; chữ *Bạn* gồm 3 chữ cái (con chữ) ghép lại, có chữ *hoa bê* (*B*) đứng đầu, ... ; chữ *hoa xê hát* (*Ch*) gồm 2 chữ cái (con chữ) ghép lại, chữ cái (con chữ) *xê hoa* đứng trước, chữ cái (con chữ) *hát* đứng sau – (đối với các lớp 2, 3). Hoặc, ở bài Tập viết tuần 10, lớp 3 : chữ *hoa giê* (*G*) được viết liền với *i* thành chữ *giê i* (*Gi*)... ; cần viết đúng chữ *hoa giê* (*G*) trong chữ *Gió*,... hoặc : *Trấn Vũ* là tên riêng, phải viết *hoa cả* hai chữ cái đứng đầu : *tê* (*T*) và *vê* (*V*).

Chú ý : Việc sử dụng thuật ngữ *chữ* để hướng dẫn HS tập viết chỉ mang tính tương đối, song cũng có ranh giới nhất định ; không nên lẫn lộn *chữ* với *từ phức* hoặc *tên riêng* (có từ 2 tiếng trở lên). VD : Không nên nói *Các em hãy viết 1 lần chữ Trấn Vũ*, mà nên nói *Các em hãy viết 1 lần tên riêng* (hoặc *chữ ghi tên riêng*) *Trấn Vũ*.

2. Dòng, dòng kẻ (đường kẻ) li

Dòng (thể hiện chữ viết) được hiểu theo nghĩa là khoảng để viết hoặc xếp chữ kế tiếp nhau thành hàng (VD : giấy có kẻ *dòng*, viết vài *dòng*, chấm xuống *dòng*,...) ⁽¹⁾. *Vở Tập viết (1, 2, 3)* của HS tiểu học được trình bày theo các ô vuông (1 cm^2) có các dòng kẻ ngang (tương tự "vở ô li", dùng phổ biến từ trước đến nay). Mỗi dòng viết gồm 5 dòng kẻ ngang (còn gọi là **dòng kẻ, đường kẻ**), chia dòng viết thành 4 li (mỗi *li* – khoảng cách giữa hai dòng kẻ – 0,25 cm). **Mẫu chữ viết trong trường tiểu học** có độ cao tính theo đơn vị (bằng chiều cao chữ cái ghi nguyên âm), tương ứng với li trong vở Tập viết như sau : chữ viết theo *cỡ nhỏ* thì chiều cao chữ cái ghi nguyên âm là 1 li (1 đơn vị), chữ viết theo *cỡ vừa* thì chiều cao chữ cái ghi nguyên âm là 2 li (1 đơn vị) – từ đó có thể hiểu mẫu chữ cái trong bảng mẫu chữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trình bày theo cỡ vừa (chiều cao chữ cái ghi nguyên âm là 2 li – 1 đơn vị, chữ cái viết thường có chiều cao lớn nhất là 5 li ; hầu hết chữ cái viết hoa có chiều cao 5 li, riêng hai chữ cái viết hoa *G, Y* có chiều cao lớn nhất là 8 li).

Trong dạy học Tập viết, GV thường hướng dẫn HS như sau :

a) Dựa vào **li** trong vở Tập viết để mô tả độ cao của chữ cái mẫu (hoặc gợi ý HS nhận xét về độ cao của chữ cái)

– VD1 (mô tả độ cao) : Chữ **a** cỡ vừa cao 2 li (cỡ nhỏ : 1 li). Chữ **A** cỡ vừa cao 5 li (cỡ nhỏ : 2,5 li – hai li rưỡi). Chữ **G** cỡ vừa cao 8 li (cỡ nhỏ : 4 li).

– VD2 (nhận xét độ cao các chữ cái trong câu ứng dụng *Bạn bè sum họp* – bài Tập viết lớp 2, tuần 3) : Các chữ **B** (*bê* hoa), **b** (*bê* thường), **h** (*hát*) cao mấy li ? (2 li rưỡi). Chữ **p** (*pê*) cao mấy li ? (2 li). Chữ cái nào viết cao hơn 1 li một chút ? (**s**). Những chữ còn lại (**a, n, e, u, m, o**) cao mấy li ? (1 li)

b) Dựa vào **dòng kẻ (đường kẻ)** để mô tả quy trình viết chữ (lần đầu)

– VD1 (viết chữ **h**) :

+ Nét 1: Đặt bút trên ĐK2, viết nét khuyết xuôi (đầu nét khuyết chạm ĐK6) ; dừng bút ở ĐK1.

+ Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên gần ĐK2 để viết tiếp nét móc hai đầu (chạm ĐK3) ; dừng bút ở ĐK2.

(1) Theo Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê (CB), NXB Khoa học xã hội, H., 1988.

– VD2 (viết chữ **K**) :

+ Nét 1: Đặt bút trên ĐK5, viết nét cong trái rồi lượn ngang (giống nét đầu ở chữ *H* và chữ *I*).

+ Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, hơi lượn xuống để viết nét móc ngược trái, khi chạm ĐK1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong ; dừng bút trên ĐK2 – giống nét móc ở chữ hoa *I* nhưng chân móc hẹp hơn (bằng độ rộng của nét 1).

+ Nét 3 : Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên ĐK5 để viết nét móc xuôi phải, đến khoảng giữa thân chữ thì lượn vào trong và tạo vòng xoắn nhỏ lồng vào thân nét móc (nét 2) rồi viết tiếp nét móc ngược phải ; dừng bút ở ĐK2.

c) Dựa vào **dòng** để yêu cầu HS viết chữ trong vở Tập viết.

– VD1 (GV yêu cầu HS viết bài trong vở Tập viết 2, tuần 4) : 1 dòng chữ *C* cỡ vừa (cao 5 li), 1 dòng chữ *C* cỡ nhỏ (cao 2 li rưỡi) ; 1 dòng chữ *Chia* cỡ vừa, 1 dòng chữ *Chia* cỡ nhỏ ; 2 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ : *Chia ngọt sẻ bùi*. (HS khá, giỏi viết thêm 1 dòng chữ *C* cỡ nhỏ, 1 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ.)

– VD2 (GV yêu cầu HS viết bài trong vở Tập viết 3, tuần 12) : 1 dòng chữ *H*, 1 dòng có 2 chữ *N, V* ; 2 dòng tên riêng : *Hàm Nghi* ; 2 lần (4 dòng) câu ca dao :

*Hải Vân bát ngát nghìn trùng
Hòn Hồng sừng sững đứng trong vịnh Hàn.*

3. Rê bút, lia bút

Các thuật ngữ *rê bút* và *lia bút* được phân biệt như sau :

Rê bút là nhắc nhẹ đầu bút nhưng vẫn chạm vào mặt giấy theo đường nét viết trước hoặc tạo ra vệt mờ để sau đó có nét viết khác đè lên. (Từ *rê* được hiểu theo nghĩa *di chuyển chậm đều đều, liên tục trên bề mặt*, do vậy giữa đầu bút và mặt giấy không có khoảng cách.)

Lia bút là chuyển dịch đầu bút từ điểm dừng này sang điểm đặt bút khác, không chạm vào mặt giấy. (Từ *lia* xuất phát từ nghĩa *ném hoặc đưa ngang thật nhanh*. VD : *lia* mảnh sành, *lia* đèn pin soi khắp một lượt... Vì vậy, khi *lia* bút, ta phải nhắc đầu bút lên để đưa nhanh sang điểm khác, tạo một khoảng cách nhất định giữa đầu bút và mặt giấy.)

Trong quá trình hướng dẫn HS về quy trình viết một chữ cái, rèn kĩ thuật nối chữ, viết liền mạch, GV cần lưu ý sử dụng các thuật ngữ trên cho chính xác.

– VD1 (hướng dẫn viết chữ *m* ở lớp 1) :

+ Nét 1 : Đặt bút giữa ĐK2 và ĐK3, viết nét móc xuôi (trái) (chạm ĐK3) ; dừng bút ở ĐK1.

+ Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, *rê bút* lên gần ĐK2 để viết tiếp nét móc xuôi thứ hai có độ rộng nhiều hơn độ rộng của nét 1 ; dừng bút ở ĐK1.

+ Nét 3 : Từ điểm dừng bút của nét 2, *rê bút* lên gần ĐK2 để viết tiếp nét móc hai đầu (độ rộng bằng nét 2) ; dừng bút ở ĐK2.

– VD 2 (hướng dẫn viết chữ *Q* ở lớp 2) :

+ Nét 1 : Đặt bút trên ĐK6, đưa bút sang trái viết nét cong kín, phần cuối lượn vào trong bụng chữ ; đến ĐK4 thì lượn lên một chút rồi dừng bút (như chữ hoa *O*) .

+ Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, *lia bút* xuống gần ĐK2 (trong chữ *O*) viết nét lượn ngang từ trong lòng chữ ra ngoài ; dừng bút trên ĐK2.

III – CHUẨN BỊ VÀ SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Thiết bị dạy học tối thiểu

Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3, môn Tiếng Việt (ban hành kèm theo Quyết định số 03/2004/QĐ/BGD&ĐT, ngày 23/2/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) gồm 3 hạng mục đều nhằm phục vụ cho việc dạy học phân môn Tập viết ở các lớp 1, 2, 3. Những TBDH này có tác dụng trực quan tích cực trong việc hình thành biểu tượng về chữ viết, là công cụ cần thiết trong quá trình hướng dẫn HS về kĩ thuật viết chữ. Chuẩn bị chu đáo và sử dụng tốt các TBDH, GV sẽ đỡ vất vả và dạy học được thuận lợi

a) *Mẫu chữ viết trong trường tiểu học*

Gồm 8 tờ bìa cán láng (khổ A0) in bảng *Mẫu chữ viết trong trường tiểu học* (ban hành theo Quyết định nói trên) : 4 tờ in *chữ cái viết thường và chữ số* theo 4 kiểu (chữ viết đứng, nét đều – chữ viết đứng, nét thanh nét đậm – chữ viết nghiêng, nét đều – chữ viết nghiêng, nét thanh nét đậm), 4 tờ in *chữ cái viết hoa* cũng theo 4 kiểu như trên. Bảng mẫu chữ này dùng để treo tại các lớp học để HS thường xuyên tiếp xúc, làm quen và ghi nhớ mẫu chữ được dạy và sử dụng trong trường tiểu học.

b) Bộ chữ dạy Tập viết

Gồm 39 tờ bìa cán láng (khổ 21 x 29,7 cm) in các chữ cái và chữ số trên khung tọa độ (theo bảng mẫu chữ ban hành tại Quyết định số 31/2002/QĐ – BGD&ĐT ngày 14/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) : 29 tờ in các chữ cái tiếng Việt (một mặt in chữ cái viết thường, một mặt in chữ cái viết hoa kiểu 1), 5 tờ in chữ số kiểu 1 (10 chữ số được in ở 2 mặt), 5 tờ một mặt in chữ cái viết hoa kiểu 2, một mặt in chữ số kiểu 2. GV dùng bộ chữ này để hướng dẫn HS các lớp như sau :

- *Lớp 1* : Giúp HS khắc sâu biểu tượng về hình dạng, nắm vững cấu tạo nét và quy trình viết chữ cái thường, chữ số ; làm quen với hình dạng và quy trình tập tô chữ cái viết hoa (phần Luyện tập tổng hợp).
- *Lớp 2* : Giúp HS khắc sâu biểu tượng về hình dạng, nắm vững cấu tạo nét và quy trình viết chữ cái hoa ; khi cần, có thể củng cố hình dạng, quy trình viết chữ cái thường đã học ở lớp 1.
- *Lớp 3* : Giúp HS ôn lại hình dạng, cấu tạo nét và quy trình viết chữ cái (viết hoa, viết thường) đã học ở các lớp dưới.

c) Bộ chữ viết mẫu tên riêng (lớp 3)

Gồm 31 tờ bìa cán láng (khổ 30 x 50 cm) in các chữ viết tên riêng được dạy trong chương trình tập viết lớp 3 (31 tiết học).

GV dùng bìa chữ viết mẫu tên riêng để hướng dẫn HS quan sát, nhận xét, tập viết ứng dụng các chữ hoa và chữ thường theo nội dung, yêu cầu của bài học tập viết lớp 3 ; hướng dẫn kĩ thuật nối nét, để khoảng cách và trình bày chữ viết có tính thẩm mĩ.

2. Đồ dùng dạy học tự làm

Ngoài những TBDH được trang bị theo *Danh mục TBDH tối thiểu* nói trên, GV có thể sưu tầm hoặc làm thêm những đồ dùng dạy học (ĐDDH) phục vụ cho tiết Tập viết, như :

- *Bìa* (hoặc *tấm mi ca mỏng*) dùng để phân tích, mô tả cấu tạo nét chữ (nét cơ bản, nét viết), rèn kĩ năng viết chữ cái hoa ở lớp 2 và củng cố lại ở lớp 3. (Hiện nay, TBDH *Dạy viết chữ hoa* gồm 27 bộ giấy "nhựa trong" dùng để phân tích cấu tạo nét chữ hoa đã được Công ti Cổ phần Thiết bị giáo dục – Khuyến học Việt Nam sản xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy học Tập viết ở Tiểu học.)

- *Bìa* (hoặc *băng giấy*) viết sẵn câu ứng dụng (theo mẫu trong vở Tập viết) dán lên bảng lớp để GV hướng dẫn HS luyện viết chữ ghi tiếng – từ (trên bảng con, trong vở Tập viết). Những đồ dùng này có thể bảo quản và sử dụng trong nhiều năm theo nội dung từng bài học ở SGK Tiếng Việt và vở Tập viết (các lớp 2, 3).
- *Tranh, ảnh, vật thật* có tác dụng minh họa, giúp HS hiểu rõ thêm về tên riêng (người, địa danh nổi tiếng), về câu ứng dụng (tục ngữ, ca dao, thơ...) được dạy ở phân môn Tập viết lớp 3. VD : Tranh minh họa người anh hùng làng Gióng đánh giặc ngoại xâm (*Ông Gióng*), đền Gióng (xã Phù Đổng, huyện Sóc Sơn, Hà Nội) – Tập viết tuần 10 ; ảnh *Ghềnh Ráng*, tranh ảnh minh họa *Loa Thành Thục Vương* (huyện Đông Anh, Hà Nội) – Tập viết tuần 11 ; ảnh Anh hùng liệt sĩ *Nguyễn Văn Trỗi* – Tập viết tuần 20,...

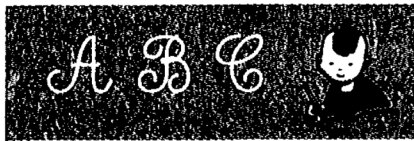
Các ĐDDH nói trên cần sử dụng đúng lúc, phát huy được tác dụng tích cực, đem lại hứng thú học tập cho HS.

3. Thiết bị dạy học hiện đại

Ở những nơi có điều kiện dạy học thuận lợi, trong giảng dạy môn Tiếng Việt nói chung, dạy học Tập viết nói riêng, đôi khi GV sử dụng phương pháp trực quan thông qua các TBDH hiện đại như : máy chiếu qua đầu (Over Head – chiếu giấy trong), máy chiếu đa phương tiện (Multimedia Projector – chiếu giáo án điện tử), máy chiếu vật thể (Video – Digital Presenter – chiếu trực tiếp bản in, viết hoặc tranh ảnh),...

Những TBDH trên thường dùng để minh họa hình dạng, quy trình, kĩ thuật viết chữ hoặc cách trình bày bài tập viết (bài viết mẫu, bài tập viết trong vở của HS trên lớp,...), giúp GV chỉ dẫn hay nhận xét được cụ thể và sinh động ; minh họa tranh ảnh khi hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung câu ứng dụng.

Tuy nhiên, việc sử dụng phương tiện, thiết bị và ĐDDH cần phải đem lại hiệu quả thiết thực và phải có tính thực tiễn, tránh thiên về hình thức và gây tốn kém (VD : Thuê vẽ tranh phóng to khi không thật cần thiết, sử dụng ít hiệu quả ; dùng máy chiếu qua đầu nhưng tác dụng cũng không hơn sử dụng bảng lớp, bảng phụ,...).

**LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP****A – LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN**

Về cơ bản, việc dạy học phân môn Tập viết trong trường tiểu học chính là quá trình hướng dẫn, tổ chức HS thực hành luyện tập về kĩ năng viết chữ. Muốn dạy cho HS kĩ năng viết chữ đúng yêu cầu, luyện cho HS viết chữ ngày càng đẹp ; ngoài việc nắm vững nội dung, phương pháp dạy học, GV còn cần có năng lực thẩm mĩ để cảm nhận được vẻ đẹp của chữ viết, có khả năng viết chữ đẹp để làm mẫu cho HS noi theo.

Thực tế cho thấy, từ khi thực hiện Quyết định số 31/2002/QĐ – BGD&ĐT ngày 14/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành *Mẫu chữ viết trong trường tiểu học*, chất lượng chữ viết của HS ngày càng có những chuyển biến rõ rệt. Kết quả hội thi *Giữ vở sạch – Rèn chữ đẹp* hàng năm của các cấp địa phương (trường, quận – huyện, tỉnh – thành phố) đã chứng minh rất rõ : nhiều HS có khả năng viết chữ đẹp ngay từ các lớp 1, 2 ; những GV nào viết chữ đẹp thì nhiều HS của GV lớp đó viết chữ cũng đẹp.

Để luyện viết chữ đúng mẫu và rèn chữ đẹp, nhiều GV đã kiên trì phấn đấu và đúc rút được những kinh nghiệm quý báu. Dưới đây là một số biện pháp đã được áp dụng và đem lại hiệu quả tốt ở nhiều trường tiểu học trên toàn quốc.

I – LUYỆN VIẾT TRONG VỞ

Dựa vào *Mẫu chữ viết trong trường tiểu học*, tùy điều kiện cụ thể, GV có thể luyện viết trong vở theo hai cách :

1. Sử dụng vở ô li

Ở giai đoạn đầu của việc luyện viết, GV nên chọn loại vở kẻ ô vuông nhỏ (dòng kẻ 4 li) để dễ xác định chiều cao và bề rộng của chữ cái cho đúng tỉ lệ. Biện pháp thực hiện chủ yếu là luyện viết từ dễ đến khó theo từng *nhóm chữ*, cụ thể như sau :